

Land & Life

VOL.60 | SÓC TRĂNG | WWW.PMCWEB.VN

IIRR **pmc** **pmc**
KNOWLEDGE

Bản đồ hành chính

huyện/ thành phố

Sóc Trăng

Chỉ tiêu phát triển chính
giai đoạn 2021-2025



Lưu hành nội bộ

Quý độc giả thân mến,

Ở số tạp chí trước, chúng ta đã cùng đi khám phá tỉnh Long An với những mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ mới. Vol.60 Land&Life tiếp nối hành trình đi tìm hiểu về miền Tây sông nước, chúng tôi xin được giới thiệu tới Quý độc giả về tỉnh Sóc Trăng.

Với vị trí chiến lược là cửa ngõ giao thương giữa khu vực Đông Nam Á và các nước Mekong, tỉnh Sóc Trăng đang đẩy mạnh phát triển kinh tế với mục tiêu trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế của miền Tây Nam Bộ.

Trong nhiệm kỳ mới, tỉnh Sóc Trăng sẽ tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành nông nghiệp, chế biến thủy sản, du lịch, bất động sản, cũng như phát triển các ngành công nghiệp khác như sản xuất đồ gỗ, điện tử và cơ khí chính xác. Ngoài ra, tỉnh Sóc Trăng cũng đặc biệt quan tâm đến phát triển năng lượng tái tạo, đồng thời tăng cường giáo dục và đào tạo để đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển kinh tế. Tất cả những nỗ lực này sẽ giúp tỉnh Sóc Trăng đạt được mục tiêu phát triển bền vững, phấn đấu thu nhập bình quân đầu người bằng bình quân khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Các chỉ tiêu phát triển của tỉnh sẽ được đề cập chi tiết trong nội dung Vol.60 của Land&Life.

Hy vọng những nghiên cứu nội bộ này sẽ đóng góp một phần làm đầu vào, phục vụ cho Quý độc giả trong lĩnh vực nghiên cứu của mình.

Đội ngũ biên tập rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của Quý độc giả.

Trân trọng!

Chịu trách nhiệm nội dung



Tổng biên tập

Nguyễn Tất Hồng Dương



PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Wan Tuan
Ho Wan Tuan

Hội đồng biên tập

Trần Ngọc Sơn

Trần Anh Quốc Cường

Đinh Thị Minh Hậu

Lê Tiến Trung

Lê Minh Dũng

Lê Hoàng

Đặng Thị Hà Vân

Cù Mạnh Đức

Nguyễn Thị Nam

✉ iirr.vn@gmail.com

📍 KT FL, Sky City Towers

☎ +84 2437767065

Thiết kế

Phòng Phát triển cộng đồng



06. Tỉnh Sóc Trăng

10. TP. Sóc Trăng

14. TX. Ngã Năm

16. TX. Vĩnh Châu

18. Huyện Châu Thành

20. Huyện Cù Lao Dung





24. Huyện Kế Sách

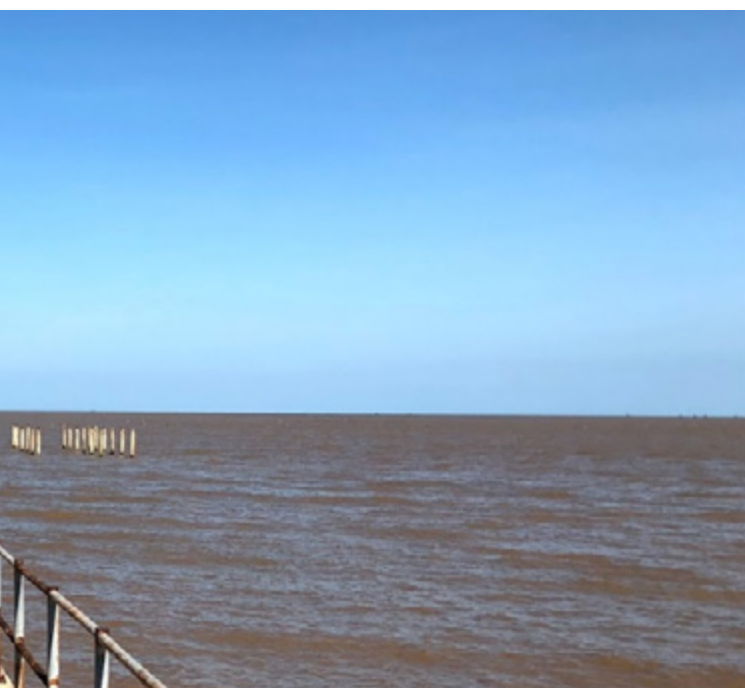
26. Huyện Long Phú

30. Huyện Mỹ Tú

32. Huyện Mỹ Xuyên

36. Huyện Thạnh Trị

40. Huyện Trần Đề



TỈNH SÓC TRĂNG

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 3.298,20 km²

Dân số trung bình: 1206819 người.

Mật độ: 366 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Tỉnh Sóc Trăng có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, bao gồm 1 thành phố, 2 thị xã và 8 huyện với 109 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 17 phường, 12 thị trấn và 80 xã

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Tỉnh Sóc Trăng nằm ở cửa Nam sông Hậu, cách Thành phố Hồ Chí Minh khoảng 231 km, cách Cần Thơ 62 km, nằm trên tuyến Quốc lộ 1 nối liền các tỉnh Hậu Giang, Thành phố Cần Thơ, Bạc Liêu, Cà Mau. Tỉnh Sóc Trăng có vị trí tọa độ 9012' - 9056' vĩ Bắc và 105033' - 106023' kinh Đông. Đường bờ biển dài 72 km và 3 cửa sông lớn là Định An, Trần Đề, Mỹ Thanh đổ ra Biển Đông. Tỉnh Sóc Trăng có vị trí địa lý:

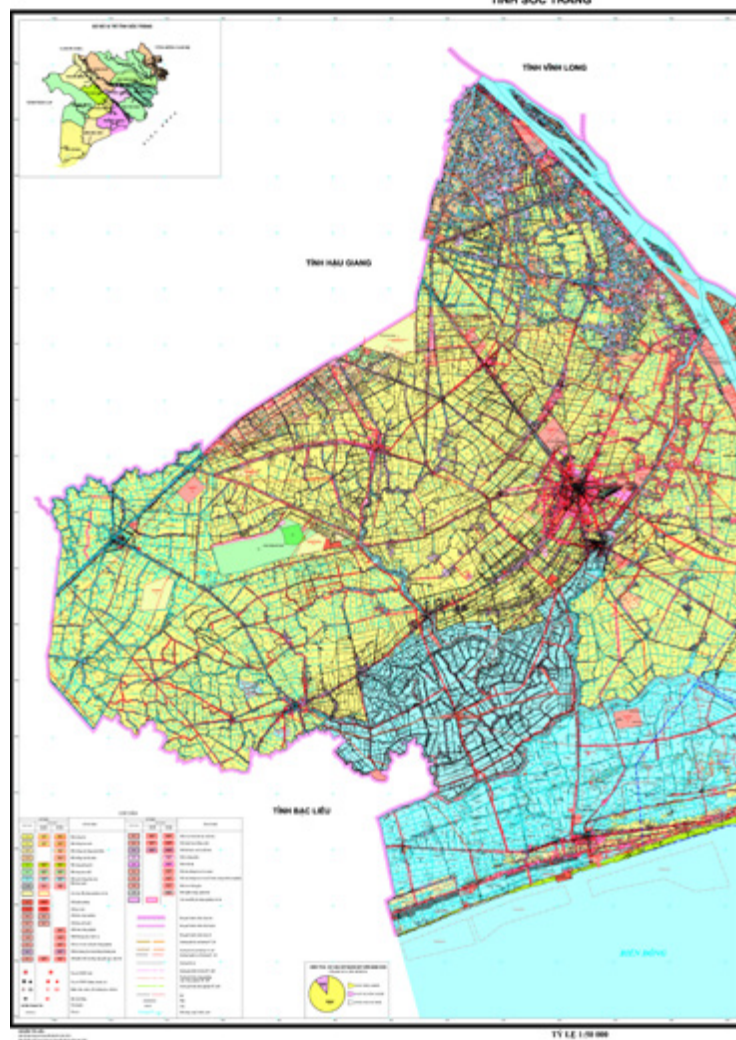
Phía đông và đông nam giáp Biển Đông

Phía đông bắc giáp tỉnh Trà Vinh và tỉnh Vĩnh Long

Phía tây nam giáp tỉnh Bạc Liêu

Phía bắc và tây bắc giáp tỉnh Hậu Giang

BẢN ĐỒ PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN N
TỈNH SÓC TRĂNG





AM 2030



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030

Xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa. Tăng cường quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Đẩy mạnh phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; đưa tỉnh Sóc Trăng phát triển nhanh, bền vững. Phấn đấu đến năm 2030, thu nhập bình quân đầu người bằng bình quân khu vực đồng bằng sông Cửu Long

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá so sánh năm 2010 bình quân 5 năm (2021-2025) đạt 8,0%.
- GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đến cuối nhiệm kỳ đạt 75 triệu đồng/người/năm trở lên.
- Cơ cấu GRDP (theo giá hiện hành) đến cuối nhiệm kỳ khu vực I là 33%, khu vực II 26%, khu vực III từ 37% trở lên, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm khoảng 4%.
- Sản lượng lúa đặc sản, chất lượng cao đến cuối nhiệm kỳ chiếm trên 80% sản lượng lúa toàn tỉnh.
- Sản lượng thủy, hải sản đến cuối nhiệm kỳ đạt 417.000 tấn trở lên.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến cuối nhiệm kỳ đạt trên 250 triệu đồng/ha.



- Lũy kế đến cuối nhiệm kỳ có 72 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; có 6 huyện/thị xã đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân mỗi năm từ 21% trở lên.(9) Giá trị xuất khẩu hàng hoá đến cuối nhiệm kỳ đạt 1,2 tỷ USD.
- Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội đến cuối nhiệm kỳ đạt 97.600 tỉ đồng.
- Thu ngân sách nhà nước trong cân đối đến cuối nhiệm kỳ là 6.500 tỷ đồng.
- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến lớp: Nhà trẻ đạt 25%, mẫu giáo đạt 95%; tiểu học đạt 99,5%; trung học cơ sở đạt 98,5%; trung học phổ thông và tương đương đạt 75%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối nhiệm kỳ đạt 85%.
- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế 100%; đạt 30 giường bệnh/10.000 dân, 10 bác sĩ/10.000 dân.



Hình ảnh: đỉnh của đỉnh

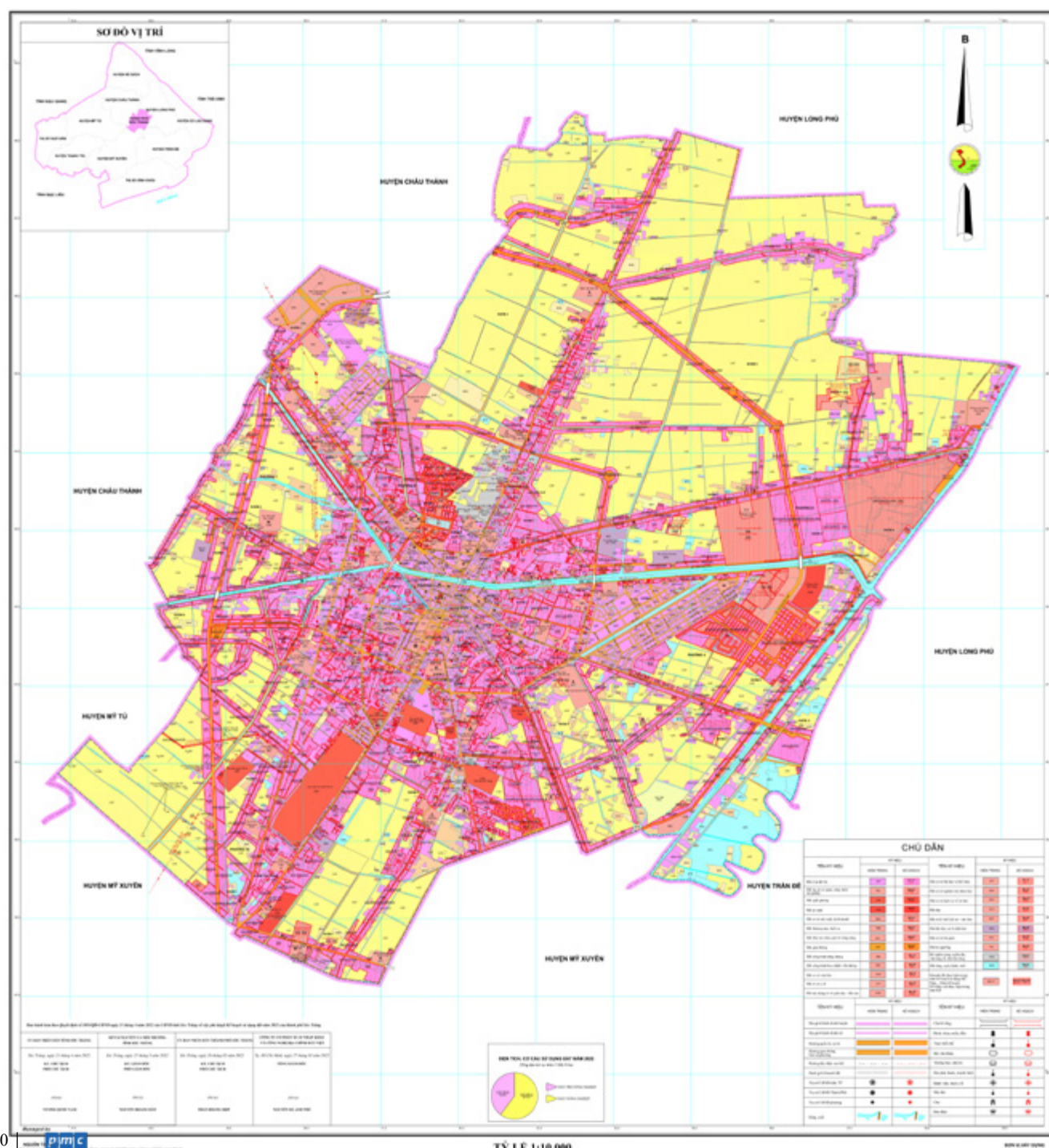


- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5% dân số; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi là 45%.
- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ là 30%. Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi là 85%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2%-3%/năm; trong đó, giảm tỷ lệ hộ Khmer nghèo 3%-4%/năm.
- Hàng năm, tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 93%; tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 99%.
- Hàng năm, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 65%.
- Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ 2020-2025, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh là 53.400 đồng chí.
- Hàng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và có dưới 1,5% tổ chức cơ sở đảng “Không hoàn thành nhiệm vụ”.
- Hàng năm, có trên 80% đảng viên được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và có dưới 1,5% đảng viên “Không hoàn thành nhiệm vụ”.
- Hàng năm, phấn đấu có trên 85% các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ.

THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG



Hình ảnh: banhpaivn





VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thành phố nằm ở vị trí trung tâm của tỉnh, giáp với huyện:

Phía đông và bắc giáp huyện Long Phú

Phía nam giáp huyện Mỹ Xuyên

Phía đông nam giáp huyện Trần Đề

Phía tây giáp huyện Mỹ Tú

Phía tây bắc giáp huyện Châu Thành.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 75,99 km²

Dân số trung bình: 138944 người

Mật độ: 1828 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Sóc Trăng có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 10 phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10.

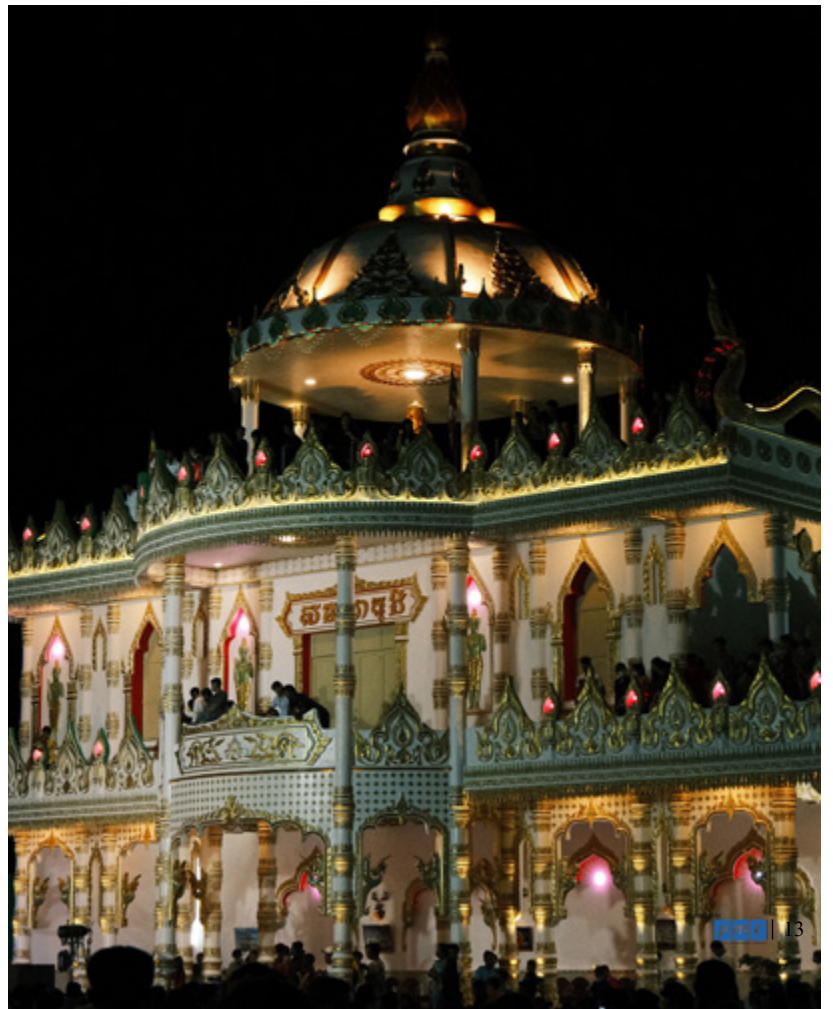
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030

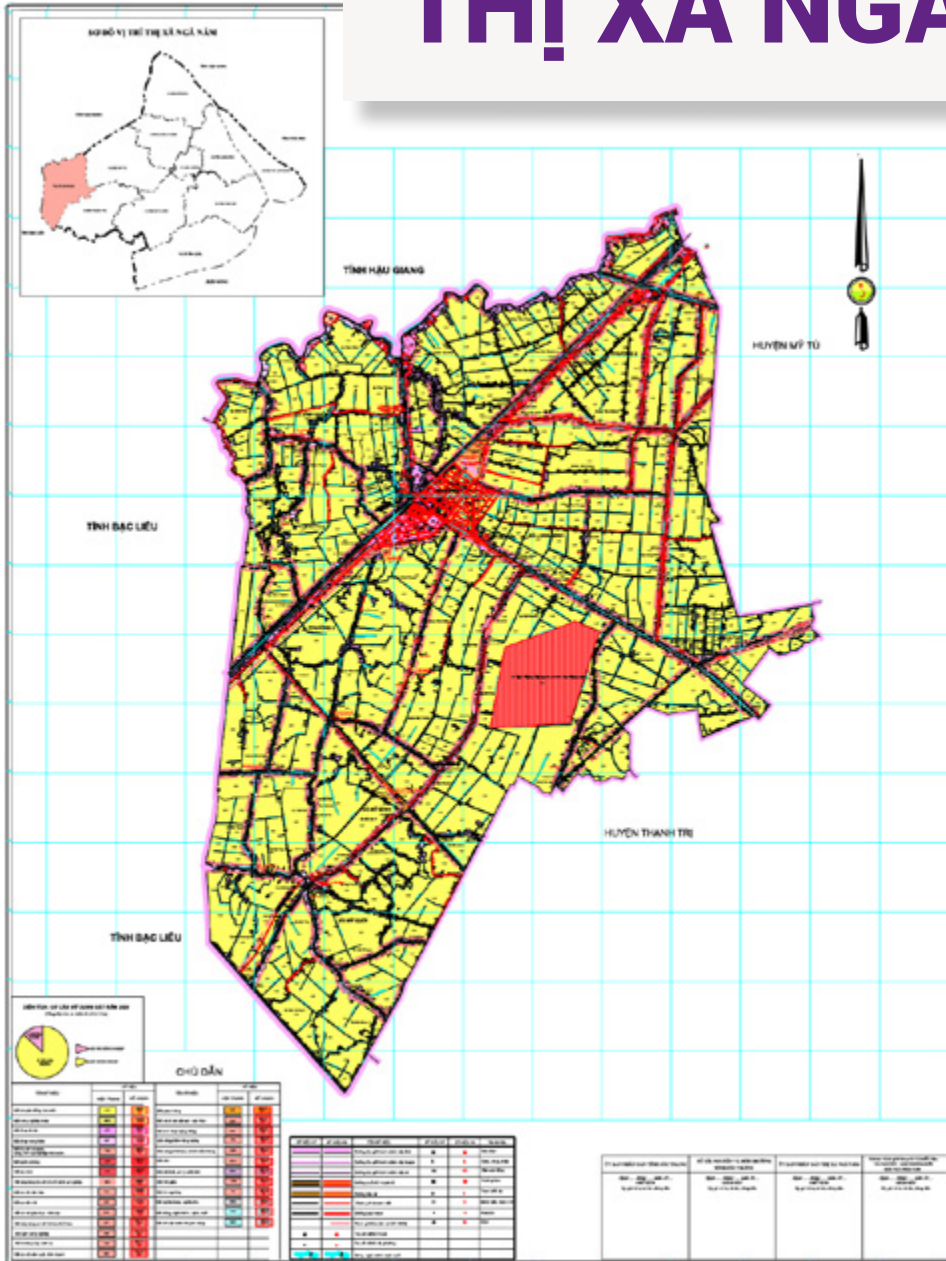
- Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành) 110 triệu 400 nghìn đồng.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến năm 2025 đạt 250 triệu đồng/ha.
- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ phường đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 100%.
- Thu ngân sách Nhà nước (trong cân đối) đến năm 2025 là 743 tỉ đồng.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 99,5%.
- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến lớp: Mầm non gồm nhà trẻ 40%; mẫu giáo 96%; cấp tiểu học 99,5%; trung học cơ sở 98,5%; trung học phổ thông 86%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến cuối nhiệm kỳ đạt 80%.
- Tiếp tục duy trì tỷ lệ phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế 100%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 75%.
- Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi là 85%.
- Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 1% (theo tiêu chí mới).
- Tiếp tục duy trì tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 100%.



- Đến cuối nhiệm kỳ, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96% dân số; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi là 45%.
- Phần đầu có trên 95% hộ gia đình văn hoá, trên 90% khóm văn hoá, có trên 98% cơ quan văn hoá.
- Duy trì và phát triển lực lượng dân quân tự vệ đạt tỷ lệ 1,76 so tổng số dân.
- Tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu.
- Bình quân hằng năm kết nạp mới 150 đảng viên. Phần đầu đến cuối nhiệm kỳ 2020-2025, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ thành phố là 5.800 đồng chí.
- Hằng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và có dưới 1,5% tổ chức cơ sở đảng “Không hoàn thành nhiệm vụ”; Đảng bộ thành phố đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hằng năm, có trên 80% đảng viên được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; có dưới 1,5% đảng viên “Không hoàn thành nhiệm vụ”; hằng năm, phần đầu 100% các đoàn thể chính trị - xã hội đạt vững mạnh.



THỊ XÃ NGÃ NĂM



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thị xã Ngã Năm nằm ở phía tây nam tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 60 km, cách trung tâm thành phố Cần Thơ 80 km, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 298 km, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Mỹ Tú

Phía tây giáp huyện Hồng Dân và huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

Phía nam giáp huyện Thạnh Trị

Phía bắc giáp thị xã Long Mỹ và huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.



Hình ảnh: thamhiemmekong

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

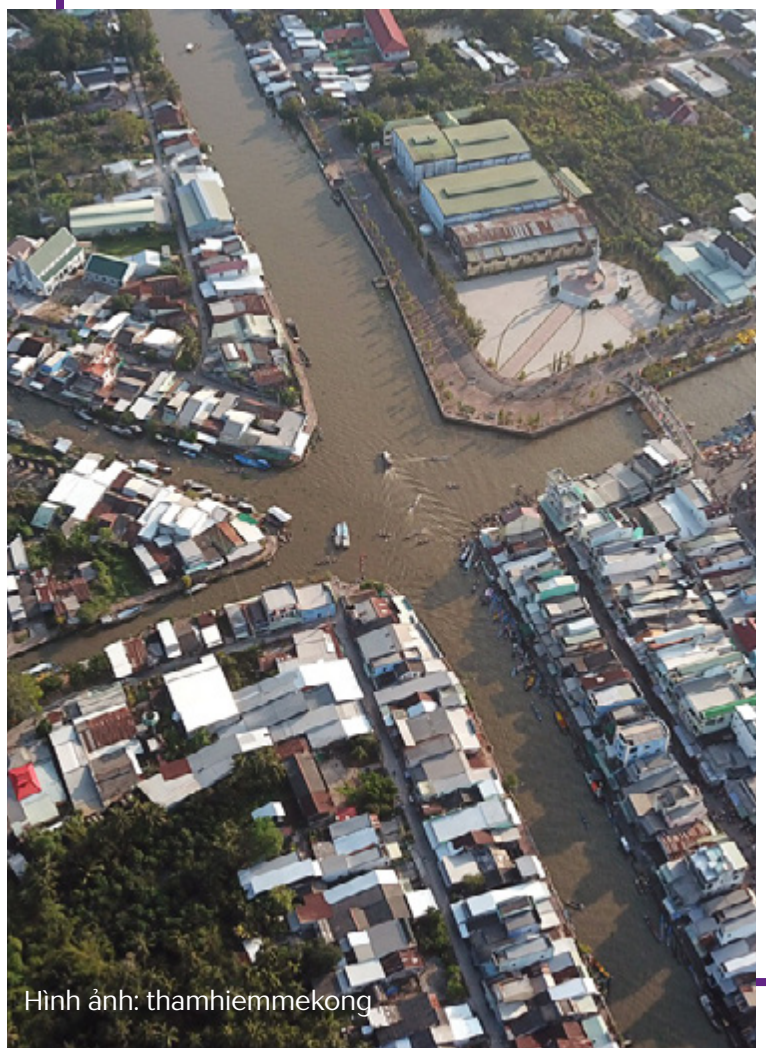
Diện tích: 241,93 km²

Dân số trung bình: 74421 người

Mật độ: 308 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thành phố Sóc Trăng có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 10 phường: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10.



Hình ảnh: thamhiemmekong

THỊ XÃ VĨNH CHÂU

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Thị xã Vĩnh Châu nằm ở phía đông nam của tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 38 km, có vị trí địa lý:

Phía đông và phía nam giáp Biển Đông với đường bờ biển dài gần 50 km

Phía tây giáp thành phố Bạc Liêu và huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

Phía bắc giáp huyện Mỹ Xuyên và huyện Trần Đề.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

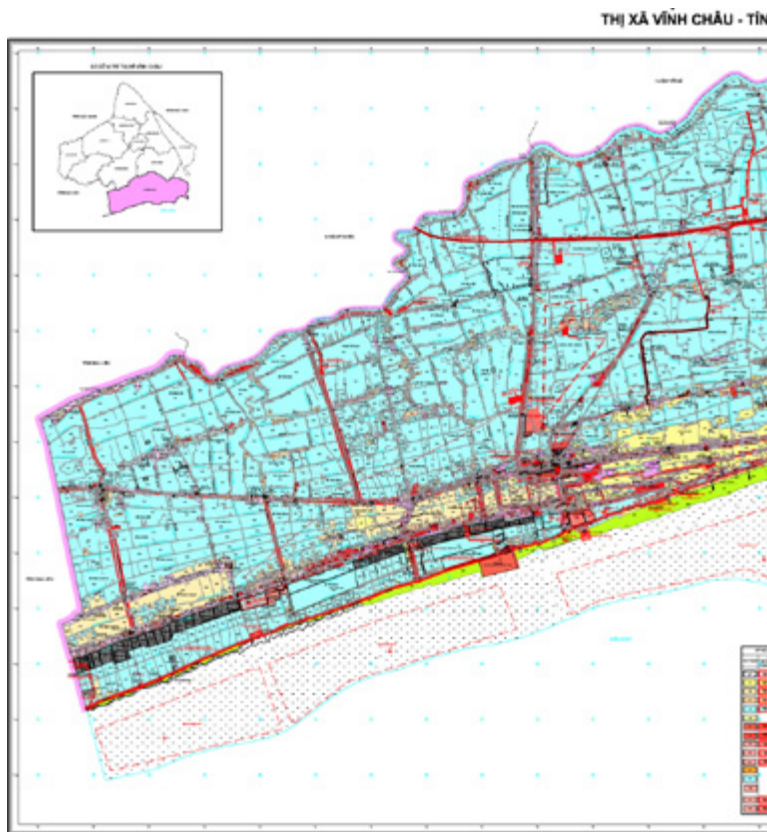
Diện tích: 471 km²

Dân số trung bình: 166495 người

Mật độ: 353 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Thị xã Vĩnh Châu có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 4 phường: 1, 2, Khánh Hòa, Vĩnh Phước và 6 xã: Hòa Đông, Lạc Hòa, Lai Hòa, Vĩnh Hải, Vĩnh Hiệp, Vĩnh Tân.

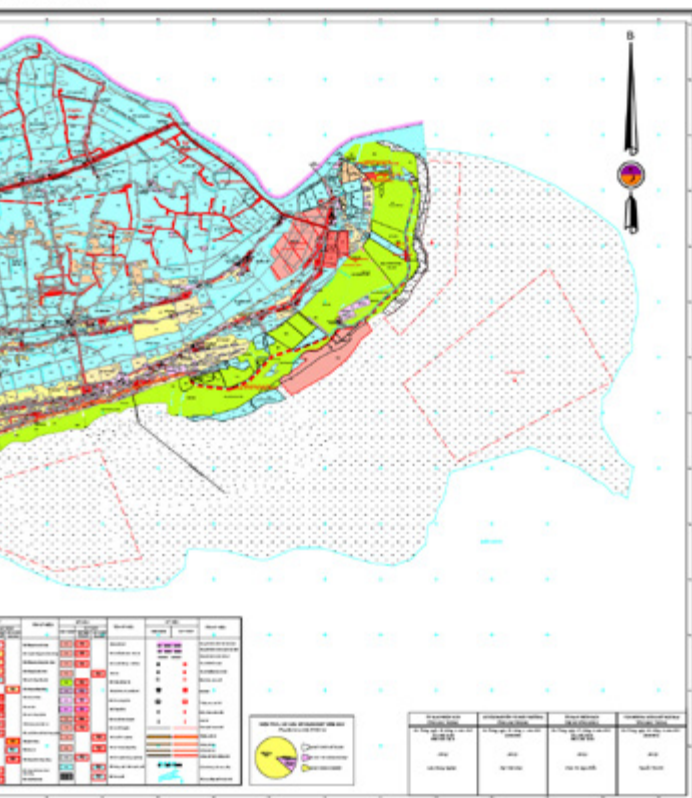


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030

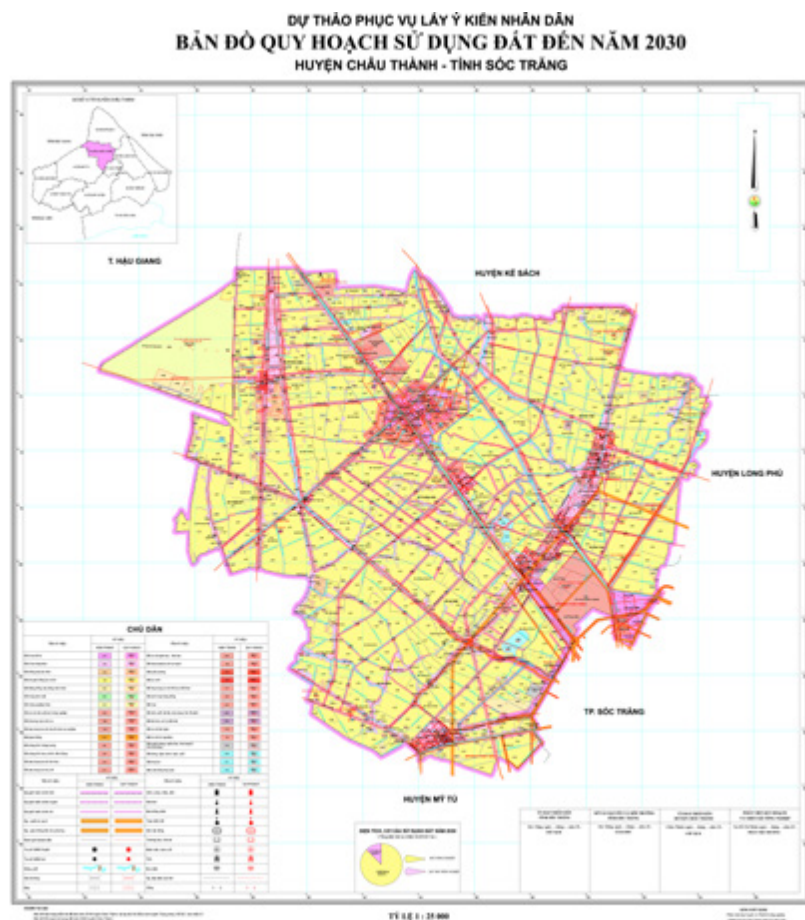


PH SỐC TRẮNG



- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 12.700 tỷ đồng; giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 265 triệu đồng;
- Đến năm 2025, có 6/6 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 2 xã nông thôn mới nâng cao;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm từ 1,5-2%, phần đầu cuối nhiệm kỳ tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 4%;
- Đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo là 80%, trong đó lao động qua đào tạo nghề chiếm 70%.
- Hằng năm giải quyết việc làm mới từ 2.500-3.000 lao động, trong đó xuất khẩu 80 lao động;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% dân số;
- Hằng năm có trên 80% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên

HUYỆN CHÂU THÀNH



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Châu Thành nằm ở phía bắc của tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 13 km, cách thành phố Cần Thơ 50 km về phía bắc, là cửa ngõ của tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp thành phố Sóc Trăng và các huyện Long Phú, Kế Sách

Phía tây giáp huyện Phụng Hiệp, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

Phía nam giáp huyện Mỹ Tú

Phía bắc giáp huyện Kế Sách và thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 236,15 km²

Dân số trung bình: 95582 người

Mật độ: 405 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Châu Thành có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Châu Thành (huyện lỵ) và 7 xã: An Hiệp, An Ninh, Hồ Đắc Kịch, Phú Tâm, Phú Tân, Thiện Mỹ, Thuận Hòa.



Hình ảnh: cungphuotinfo



HUYỆN CÙ LAO DUNG

Hình ảnh: thamhiemmekong

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Cù Lao Dung nằm ở phía đông tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp hai huyện Trà Cú và Duyên Hải thuộc tỉnh Trà Vinh

Phía tây giáp huyện Long Phú và huyện Trần Đề

Phía nam giáp Biển Đông

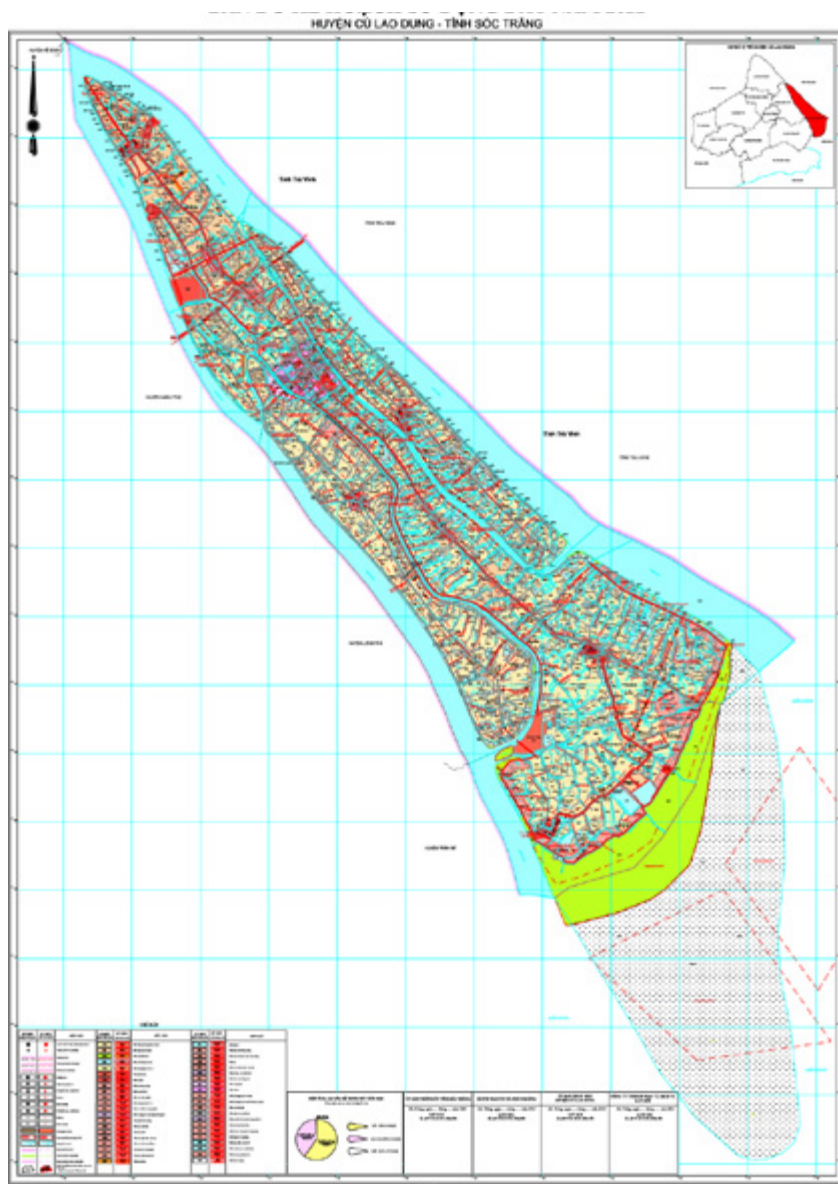
Phía bắc giáp hai huyện Tiểu Cần và Cầu Kè thuộc tỉnh Trà Vinh.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 245,04 km²

Dân số trung bình: 58546 người

Mật độ: 239 người/km²



ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Cù Lao Dung có 8 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Cù Lao Dung (huyện lỵ) và 7 xã: An Thạnh 1, An Thạnh 2, An Thạnh 3, An Thạnh Đông, An Thạnh Nam, An Thạnh Tây, Đại Ân 1.



Hình ảnh: sknc.qdnd.vn

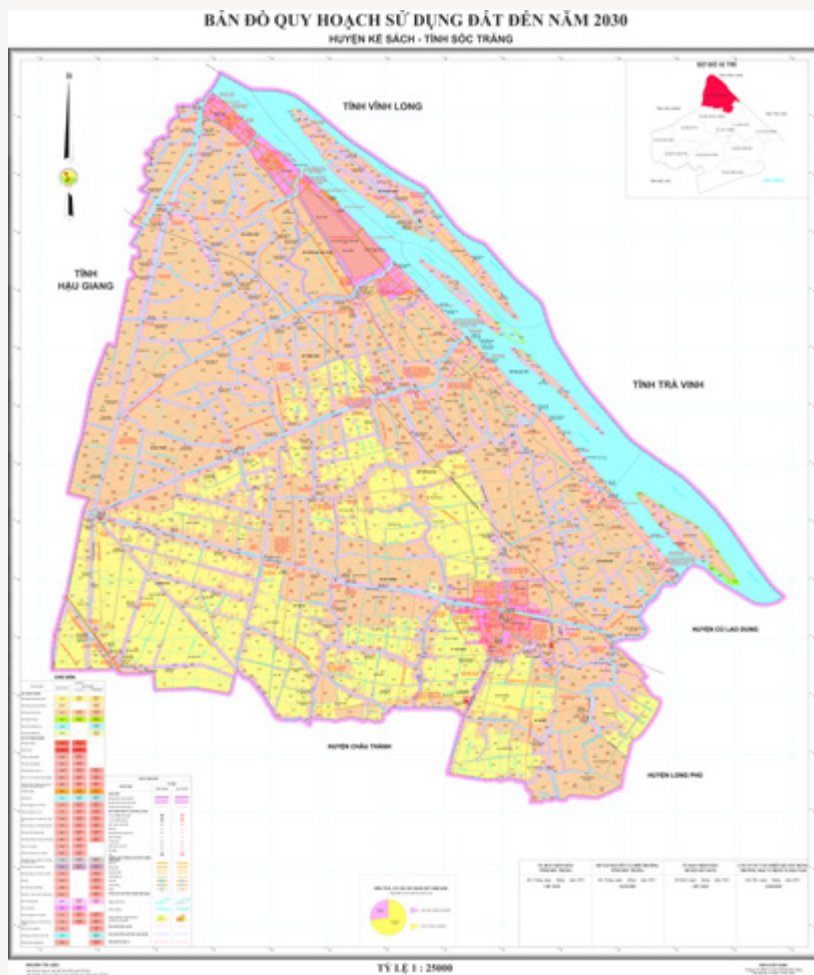


MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của toàn Đảng bộ, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng hoạt động của cả hệ thống chính trị; tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo sự chuyển biến căn bản trong tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với phát triển trong lĩnh vực dịch vụ du lịch, đưa kinh tế nông nghiệp phát triển theo chiều sâu gắn với thị trường tiêu thụ và hiệu quả sản xuất; tiếp tục mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác, hợp tác xã; chú trọng phát triển nguồn nhân lực; sớm hoàn thành các tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới; giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, huyện Cù Lao Dung đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

- Diện tích gieo trồng cây hàng năm 10.600ha (diện tích đất 6.000ha), trong đó, diện tích lúa dưới 2.000ha, sản lượng 240.000 tấn/năm; màu 8.600ha (diện tích đất 4.000ha).
- Diện tích cây lâu năm 6.000ha. Diện tích thả nuôi thủy sản 4.100ha (diện tích đất thủy sản 2.182ha), trong đó, diện tích nuôi tôm 3.500ha, thủy sản khác 600ha; tổng sản lượng thủy hải sản khai thác và nuôi trồng 34.600 tấn/năm (trong đó nuôi trồng 29.600 tấn).
- Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (giá so sánh năm 2010) 4.087,5 tỉ đồng (tăng 25% so năm 2020).
- Giá trị sản phẩm thu hoạch 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến cuối nhiệm kỳ đạt 250 triệu đồng.
- Hàng năm, có trên 85% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ; hàng năm Đảng bộ huyện được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.
- Hàng năm, có trên 85% đảng viên được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và có dưới 1,5% đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ. Đến cuối nhiệm kỳ kết nạp 420 đảng viên...

HUYỆN KẾ SÁCH



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Kế Sách có tọa độ địa lý từ 9°14' đến 9°55' vĩ độ Bắc và từ 105°30' đến 106°04' kinh độ Đông và là cửa ngõ phía bắc của tỉnh Sóc Trăng, có ranh giới với 3 tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, có vị trí địa lý:

Phía bắc giáp huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long, có ranh giới tự nhiên là sông Hậu

Phía đông giáp huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, có ranh giới tự nhiên là sông Hậu

Phía nam giáp huyện Long Phú và Châu Thành

Phía tây giáp thành phố Ngã Bảy, các huyện Châu Thành và Phụng Hiệp tỉnh Hậu Giang.



Hình ảnh: canhconmyphuoc



Hình ảnh: mysoctrang



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 353,26 km²

Dân số trung bình: 149772 người

Mật độ: 424 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Kế Sách có 13 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: An Lạc Thôn, Kế Sách (huyện lỵ) và 11 xã: An Lạc Tây, An Mỹ, Ba Trinh, Đại Hải, Kế An, Kế Thành, Nhơn Mỹ, Phong Nẫm, Thới An Hội, Trinh Phú, Xuân Hòa với 86 ấp.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030



Hình ảnh: mysoctrang

- Tổng sản lượng lúa đạt 170.100 tấn (lúa đặc sản chiếm 80%);
- Bình quân 1ha đất trồng trọt, thủy sản đạt 250 triệu đồng;
- Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt 800 tỷ đồng;
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa, kinh doanh dịch vụ 17.000 tỷ đồng;
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95%;
- 13/13 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 2-3%/năm theo tiêu chí mới...

HUYỆN LONG PHÚ



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Long Phú nằm ở phía đông tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý:

Phía tây giáp thành phố Sóc Trăng và huyện Châu Thành

Phía bắc giáp huyện Kế Sách

Phía đông giáp huyện Cù Lao Dung và huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh với ranh giới tự nhiên là sông Hậu

Phía nam giáp huyện Trần Đề.





DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 264,76 km²

Dân số trung bình: 94645 người

Mật độ: 357 người/km²

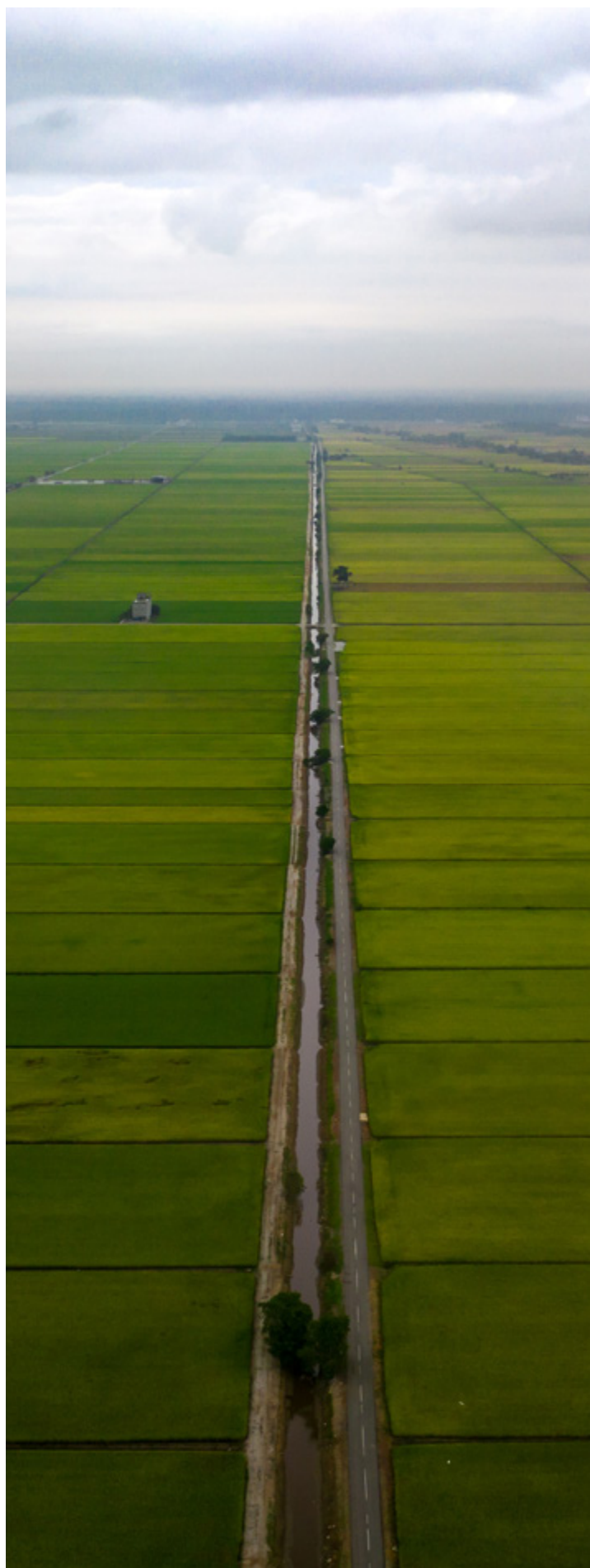
ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Long Phú có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Long Phú (huyện lỵ), Đại Ngãi và 9 xã: Châu Khánh, Hậu Thạnh, Long Đức, Long Phú, Phú Hữu, Song Phụng, Tân Hưng, Tân Thạnh, Trường Khánh.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030

- Phần đầu đưa sản lượng lúa đặc sản, chất lượng cao đến cuối nhiệm kỳ chiếm trên 80% sản lượng lúa toàn huyện.
- Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 5.000 tấn.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đến cuối nhiệm kỳ đạt từ 170 triệu đồng/ha trở lên.
- Đến cuối nhiệm kỳ, 100% xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 70 tỉ 650 triệu đồng.
- Tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến lớp: Mầm non (nhà trẻ đạt 15%, mẫu giáo đạt 90% (mẫu giáo 5 tuổi 99%)); tiểu học đạt 99%; trung học cơ sở đạt 95%; trung học phổ thông đạt 70%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 75%.





- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã 100%.
- Đạt bình quân 5 bác sĩ trên 10.000 dân; đạt bình quân 21 giường bệnh trên 10.000 dân.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 96,85% dân số; trong đó, tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế bắt buộc đạt 100%, bảo hiểm y tế hộ gia đình 82,36%.
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc 90% (so với đối tượng thuộc diện tham gia).
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ 30%.
- Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội 45%; tỷ lệ lao động có việc làm thường xuyên so với tổng số lao động trong độ tuổi 90% có việc làm dưới 3 tháng.
- Giải quyết việc làm mới 2.500 lao động; trong đó, lao động làm việc có thời hạn theo hợp đồng ở nước ngoài 22 người/năm.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2 - 3%/năm; trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo Khmer 3 - 4%/năm.

- Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hoá từ 95% trở lên trên tổng số hộ dân toàn huyện.
- Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 99%; trong đó, số hộ sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn 02/QC-BYT là 70%.
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 95%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 65%.
- Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ 2020 - 2025, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện là 3.300 đồng chí.
- Hằng năm, có trên 80% trở lên tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và có dưới 1,5% tổ chức cơ sở đảng “Không hoàn thành nhiệm vụ”.
- Hằng năm, có trên 80% trở lên đảng viên được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; có dưới 1,5% đảng viên xếp loại “Không hoàn thành nhiệm vụ” so với tổng số đảng viên được đánh giá, xếp loại.
- Hằng năm, phấn đấu có 90% các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ.

HUYỆN MỸ TÚ

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Mỹ Tú nằm ở phía tây tỉnh Sóc Trăng, nằm trên tọa độ địa lý 9°52 – 9°78 vĩ độ Bắc và 105°74 – 106° kinh Đông, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Châu Thành và thành phố Sóc Trăng

Phía tây giáp thị xã Ngã Năm

Phía nam giáp huyện Thạnh Trị và huyện Mỹ Xuyên

Phía bắc giáp thị xã Long Mỹ và huyện Phụng Hiệp thuộc tỉnh Hậu Giang



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 368,45 km²

Dân số trung bình: 90898 người

Mật độ: 247 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Mỹ Tú có 9 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm: thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa (huyện lỵ) và 8 xã: Long Hưng, Hưng Phú, Mỹ Hương, Mỹ Phước, Mỹ Thuận, Mỹ Tú, Phú Mỹ, Thuận Hưng với 83 ấp.







HUYỆN MỸ XUYÊN

Hình ảnh: huyện nghĩa

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Mỹ Xuyên nằm ở phía nam của tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý:

Phía bắc giáp thành phố Sóc Trăng và huyện Mỹ Tú

Phía đông giáp huyện Trần Đề

Phía nam giáp thị xã Vĩnh Châu

Phía tây giáp huyện Thạnh Trị và huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 373,14 km²

Dân số trung bình: 150687 người

Mật độ: 404 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Mỹ Xuyên có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm thị trấn Mỹ Xuyên (huyện lỵ) và 10 xã: Đại Tâm, Gia Hòa 1, Gia Hòa 2, Hòa Tú 1, Hòa Tú 2, Ngọc Đông, Ngọc Tố, Tham Đôn, Thạnh Phú, Thạnh Quới.



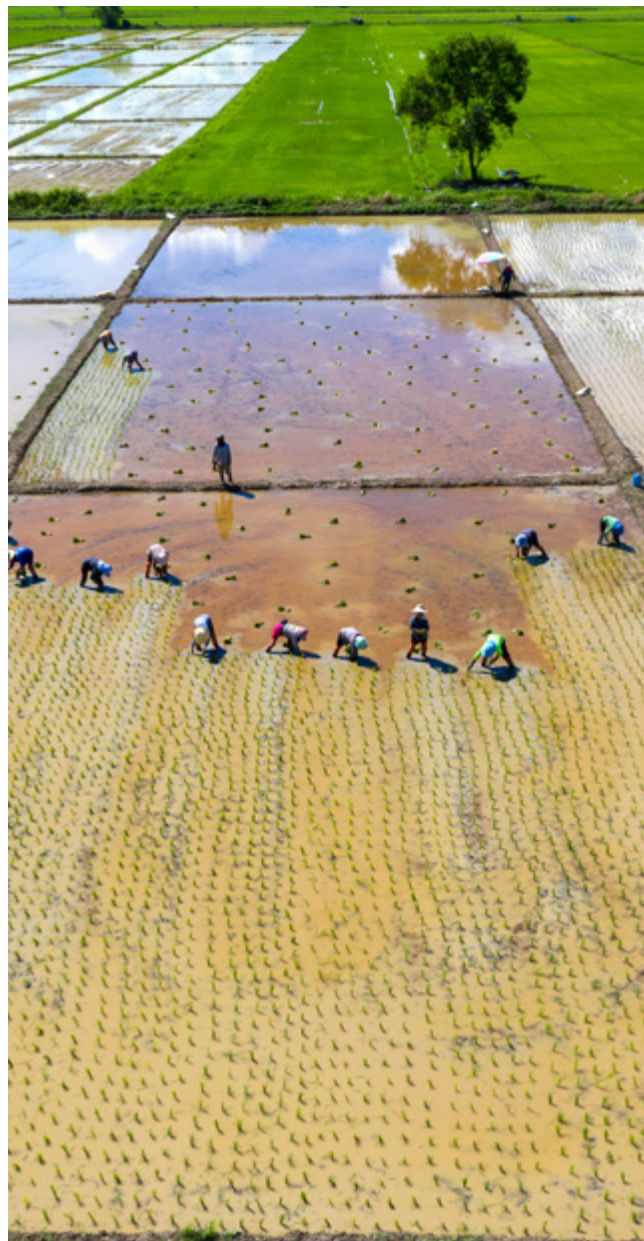


Hình ảnh: huỳnh nghĩa

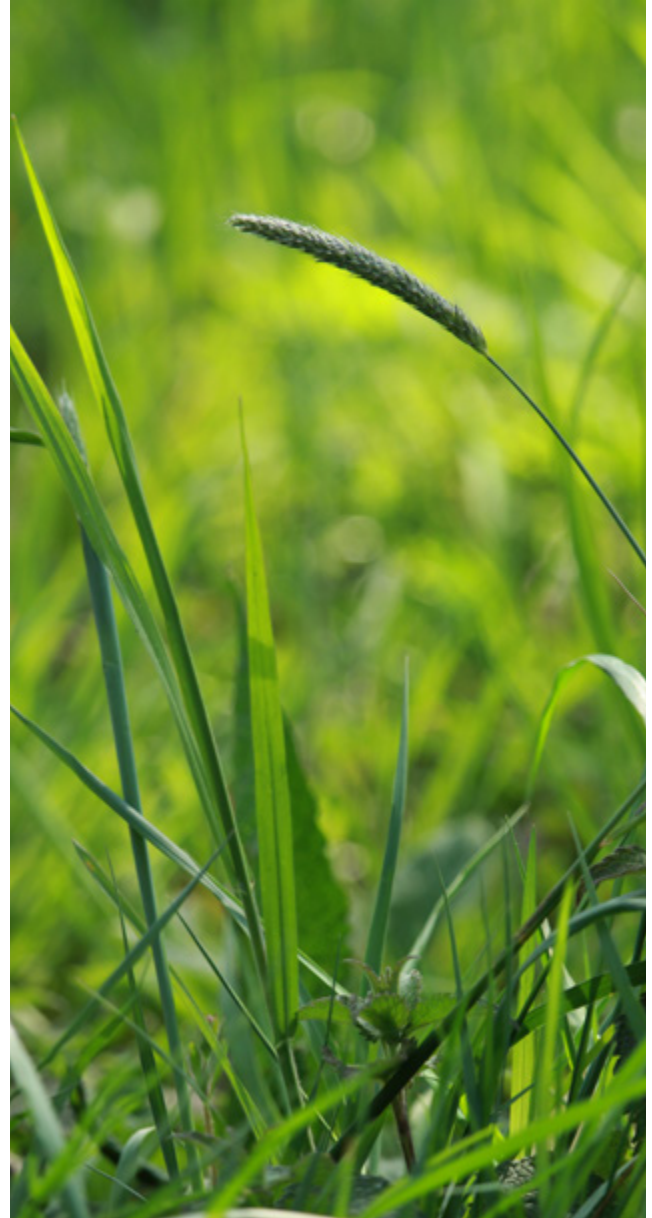
MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIẢI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030

- Sản lượng lúa hằng năm đạt trên 140.000 tấn; sản lượng lúa đặc sản, chất lượng cao đến cuối nhiệm kỳ chiếm trên 85%.
- Sản lượng thủy sản đạt 40.000 tấn.
- Diện tích trồng màu 6.800 ha.
- Đến cuối nhiệm kỳ, tổng đàn gia súc 41.000 con; tổng đàn gia cầm 650.000 con.
- Giá trị sản xuất trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản 250 triệu đồng.
- Xây dựng 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 70,5 tỷ đồng.
- Tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh trong độ tuổi đến lớp: Mầm non (nhà trẻ đạt 25%; mẫu giáo đạt 95%); tiểu học đạt 99,9%; trung học cơ sở đạt 98,5%; trung học phổ thông đạt 75%.
- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia 90%.
- Có 11/11 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế được nâng chất.

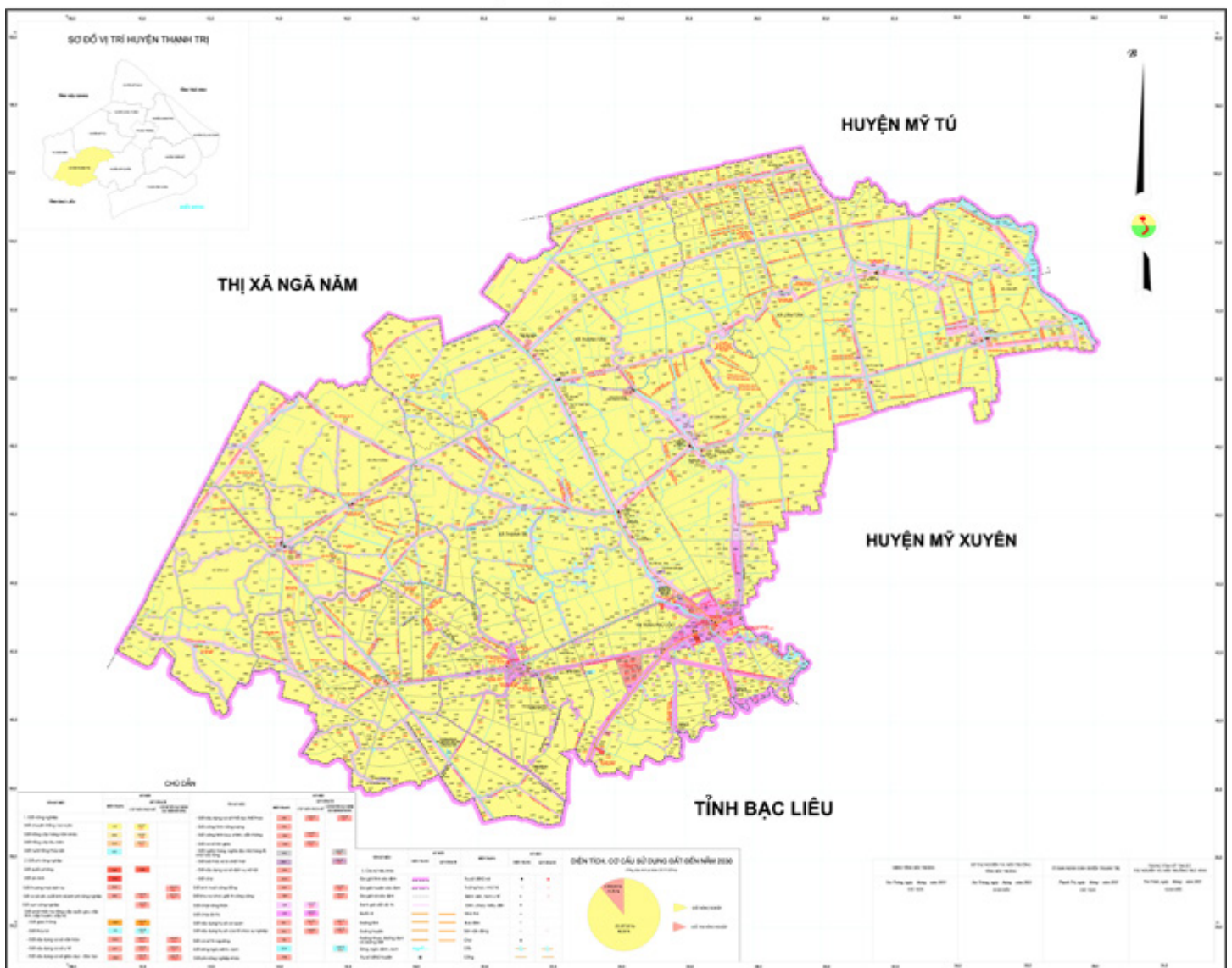


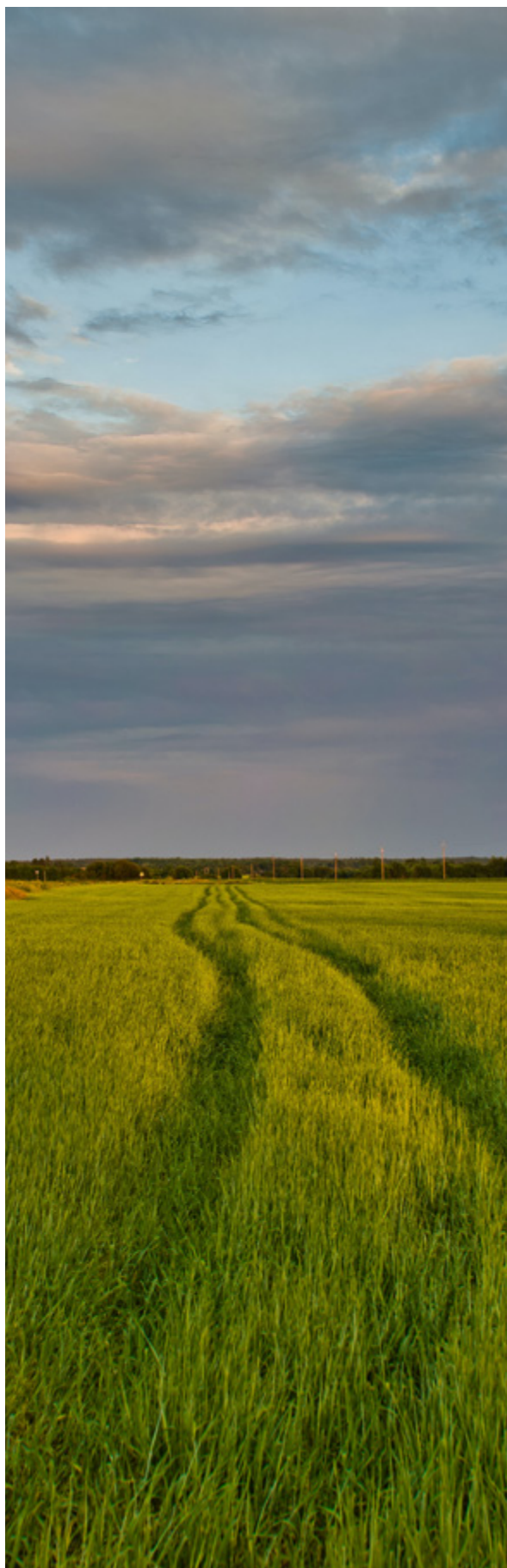
- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,5% dân số; tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội của lực lượng lao động trong độ tuổi là 45%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 30%. Tỷ lệ lao động đang làm việc so với tổng số lao động trong độ tuổi trên 90%.
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2% - 3%/năm; trong đó, giảm tỷ lệ hộ Khmer nghèo 3% - 4%/năm (Theo tiêu chí mới).
- Tỷ lệ hộ dân dùng nước sạch đạt 95%.
- Hằng năm, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 99%; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 80%.
- Bình quân hằng năm kết nạp được 80 đảng viên; phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ 2020 - 2025, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện có trên 4.300 đồng chí.
- Hằng năm, phấn đấu có trên 90% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và không có tổ chức cơ sở đảng “Không hoàn thành nhiệm vụ”.
- Hằng năm, phấn đấu có trên 80% đảng viên được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; có dưới 1,5% đảng viên “Không hoàn thành nhiệm vụ”.
- Hằng năm, phấn đấu có trên 85% các đoàn thể chính trị - xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ.



HUYỆN THANH TRỊ

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN THANH TRỊ - TỈNH SÓC TRĂNG





VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Thạnh Trị nằm ở phía tây nam tỉnh Sóc Trăng, cách thành phố Sóc Trăng 32 km, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Mỹ Xuyên

Phía tây giáp thị xã Ngã Năm

Phía nam giáp huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu

Phía bắc giáp huyện Mỹ Tú.



DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

Diện tích: 287,18 km²

Dân số trung bình: 73902 người

Mật độ: 257 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Thạnh Trị có 10 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Phú Lộc (huyện lỵ), Hưng Lợi và 8 xã: Châu Hưng, Lâm Kiết, Lâm Tân, Thạnh Tân, Thạnh Trị, Tân Túc, Vĩnh Lợi, Vĩnh Thành.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người đạt 75 triệu đồng;
- Giá trị sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 3.868 tỷ đồng;
- Sản lượng lúa bình quân đạt 380.898 tấn/năm (trong đó, lúa đặc sản chiếm 82%);
- Tỷ trọng trồng trọt 52%, chăn nuôi 30%, thủy sản 7%, nông nghiệp khác 11%;
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi thủy sản đạt 220 triệu đồng;
- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là 8/8 xã; 3/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao;
- Huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới;
- Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn đạt 700 tỷ đồng;
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2025 đạt 49 tỷ đồng;
- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến lớp, nhà trẻ 20%, mẫu giáo 95%, cấp tiểu học đạt 99,5%, THCS đạt 98,5%, THPT đạt 75%, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 90%;
- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%, 8,10 bác sĩ/10.000 dân, 27,02 giường bệnh/10.000 dân
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% dân số, trong đó, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đạt 99,4%, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình đạt 90%;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 30%;
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 2 - 3%/năm;
- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ở đô thị trên 85%, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn là 100%;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường ở đô thị, công nghiệp, dịch vụ là 100%;
- Phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ 2020 - 2025, tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ huyện là 3.820 đảng viên;
- Hàng năm, có trên 80% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng "Hoàn thành tốt nhiệm vụ";
- Trên 80% đảng viên được xếp loại chất lượng "Hoàn thành tốt nhiệm vụ";
- Phấn đấu có 90% các đoàn thể chính trị - xã hội đạt vững mạnh.

HUYỆN TRẦN ĐỀ



VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Huyện Trần Đề nằm phía đông tỉnh Sóc Trăng, có vị trí địa lý:

Phía đông giáp huyện Cù Lao Dung

Phía đông nam giáp Biển Đông

Phía tây giáp huyện Mỹ Xuyên

Phía nam giáp thị xã Vĩnh Châu

Phía bắc giáp thành phố Sóc Trăng và huyện Long Phú.

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ

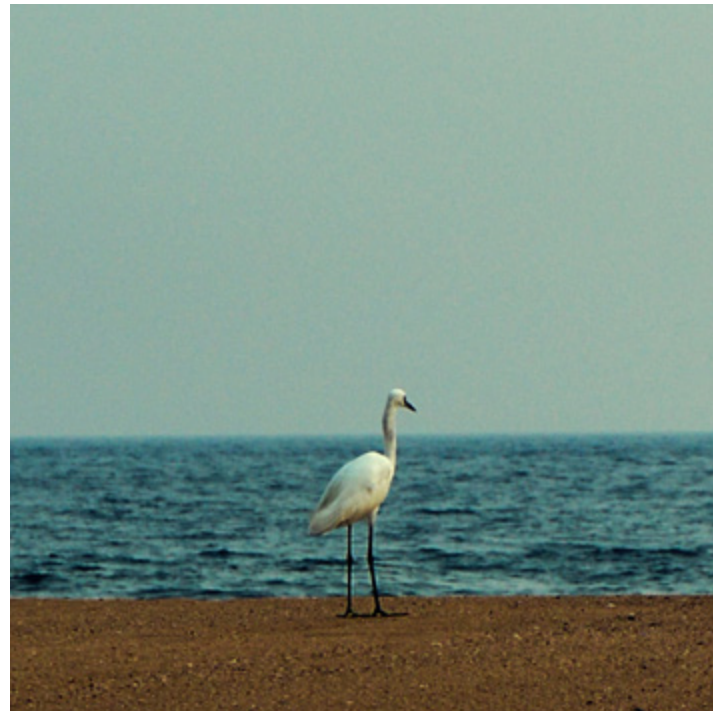
Diện tích: 381,3 km²

Dân số trung bình: 112927 người

Mật độ: 296 người/km²

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

Huyện Trần Đề có 11 đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc, bao gồm 2 thị trấn: Trần Đề (huyện lỵ), Lịch Hội Thượng và 9 xã: Đại Ân 2, Lịch Hội Thượng, Liêu Tú, Tài Văn, Thạnh Thới An, Thạnh Thới Thuận, Trung Bình, Viên An, Viên Bình.



MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN CHÍNH

GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN 2030

MÔI TRƯỜNG

- Hộ đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 100%;
- Hộ nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 99% và nước sạch là 70%;
- Chất thải rắn sinh hoạt đô thị, công nghiệp, dịch vụ được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 95%, chất thải rắn sinh hoạt khu dân cư nông thôn, làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường là 65%.



KINH TẾ

- Thực hiện tổng sản lượng lúa 273.280 tấn (lúa đặc sản 239.100 tấn);
- Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy, hải sản đạt 100.000 tấn (khai thác biển 65.000 tấn, tôm và thủy sản khác 35.000 tấn);
- Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt 220 triệu đồng;
- 2 thị trấn được công nhận đạt chuẩn văn minh;
- 9 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 3 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, huyện đạt chuẩn nông thôn mới và đô thị loại IV;
- Thu ngân sách nhà nước đến năm 2025 đạt trên 70 tỉ đồng.

VĂN HÓA - XÃ HỘI

- Phấn đấu huy động trẻ em trong độ tuổi đến nhà trẻ đạt 12%;
- Trẻ em trong độ tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 95% (trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 99%);
- Học sinh đúng tuổi cấp tiểu học đạt 99,5%, trung học cơ sở đạt 98,5%, trung học phổ thông đạt 75%;
- 85% trường đạt chuẩn quốc gia;
- 100% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế;
- Người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,8% dân số;
- Lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 30%;
- Giải quyết việc làm mới 12.500 lao động (xuất khẩu lao động 90 người);
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 2% - 3%/năm (trong đó, giảm tỷ lệ hộ Khmer nghèo 3% - 4%/năm).



XÂY DỰNG ĐẢNG, HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

- Phấn đấu trong nhiệm kỳ kết nạp 400 đảng viên mới;
- Hàng năm có trên 95% tổ chức cơ sở đảng được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” và trên 90% đảng viên được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”;
- Trên 90% các đoàn thể chính trị - xã hội đạt vững mạnh.

Reference Material

Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh Sóc Trăng Nhiệm kỳ 2020 - 2025

Tỉnh Sóc Trăng

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng
lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3y6BLXp>

Thành phố Sóc Trăng

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Sóc Trăng
lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3y6BLXp>

Thị xã Ngã Năm

Đại hội đại biểu Đảng bộ Thị xã Ngã Năm
lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Thị xã Vĩnh Châu

Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Vĩnh Châu
lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
<https://bit.ly/3SjvJFz>

Huyện Châu Thành

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Châu Thành
lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
<https://bit.ly/3KRFmjC>

Huyện Cù Lao Dung

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Cù Lao Dung
lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
<https://bit.ly/3ZCLlgk>

Huyện Kế Sách

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Kế Sách
lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
<https://bit.ly/3ERoDcq>

Huyện Long Phú

Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện Long Tú
lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2020 - 2025
<https://bit.ly/3J6kmo6>

Huyện Mỹ Tú

Đại hội đại biểu huyện Mỹ Tú
lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 - 2025

Huyện Mỹ Xuyên

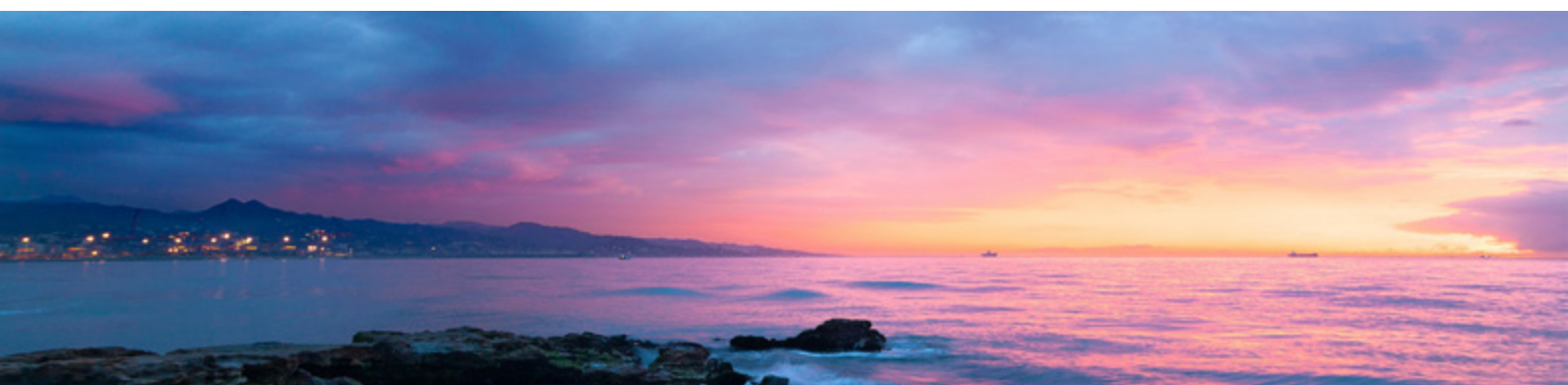
Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mỹ Xuyên
lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3kPVR54>

Huyện Thạnh Trị

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Thạnh Trị
lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3IHLjNz>

Huyện Trần Đề

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Trần Đề
nhiệm kỳ 2020-2025
<https://bit.ly/3SK0v1a>



Diện tích, dân số và mật độ dân số tỉnh Sóc Trăng

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH	DÂN SỐ TRUNG BÌNH	DIỆN TÍCH (km ²)	MẬT ĐỘ DÂN SỐ (người/km ²)
TOÀN TỈNH	1.206.819,00	3.298,20	366,00
Thành phố Sóc Trăng	138.944,00	75,99	1.828,00
Thị xã Ngã Năm	74.421,00	241,93	308,00
Thị xã Vĩnh Châu	166.495,00	471,00	353,00
Huyện Châu Thành	95.582,00	236,15	405,00
Huyện Cù Lao Dung	58.546,00	245,04	239,00
Huyện Kế Sách	149.772,00	353,26	424,00
Huyện Long Phú	94.645,00	264,76	357,00
Huyện Mỹ Tú	90.898,00	368,45	247,00
Huyện Mỹ Xuyên	150.687,00	373,14	404,00
Huyện Thạnh Trị	73.902,00	287,18	257,00
Huyện Trần Đề	112.927,00	381,30	296,00

